

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN VŨ TÀI

**NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
BẮC TRUNG KỲ TỪ 1884 ĐẾN 1945**

Chuyên ngành: LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI VÀ HIỆN ĐẠI
Mã số : 62.22.54.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2007

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học KHXH & NV
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Văn Khánh

Phản biện : GS.TS Trịnh Nhu
Viện Lịch sử Đảng

Phản biện : GS.TS Đỗ Quang Hưng
Viện Tôn giáo

Phản biện : PGS.TS Nguyễn Đình Lễ
Trường ĐHSP Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp nhà nước chấm luận án tiến sĩ họp tại:

.....
vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN**

1. Trần Vũ Tài(2005), Kinh tế đồn điền ở Phủ Quỳ thời thuộc Pháp, *Tạp chí khoa học* tập XXXIV, số 4B tháng 12 năm 2005, Trường Đại học Vinh, tr. 69 - 76.
2. Trần Vũ Tài(2006), Cuộc vận động chấn hưng kinh tế đầu thế kỷ XX với phong trào Đông Du, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, NXB Nghệ An năm 2006, tr. 219 - 230.
3. Trần Vũ Tài(2006), Đồn điền của người Pháp ở Bắc Trung Kỳ từ 1897 đến 1945, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* số 10(336) năm 2006, tr. 56-65.
4. Trần Vũ Tài(2006), Những chuyển biến của kinh tế Bắc Trung Kỳ 30 năm đầu thế kỷ XX, *Kỷ yếu Hội thảo: Xã hội Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 - những biến đổi, những bài học*, Hà Nội, tháng 12 năm 2006.
5. Trần Vũ Tài(2006), Sở hữu ruộng đất ở Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp, *Tạp chí khoa học* tập XXII, số 4, ngành KHXXH &NV, ĐHQG Hà Nội, tháng 12 năm 2006, tr. 46 - 56.
6. Trần Vũ Tài(2007), Chuyển biến của thủy nông Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

1.1. Nông nghiệp là ngành kinh tế thu hút sự quan tâm của thực dân Pháp trong quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Khi hoàn thành cuộc bình định nước ta, giới tư bản Pháp đã chú trọng đến hai lĩnh vực là nông nghiệp và khai mỏ. Sau Thế chiến I, đầu tư cho nông nghiệp được mở rộng và chiếm vị trí hàng đầu trong cơ cấu đầu tư của giới thực dân. Quá trình khai thác của tư bản Pháp đã thúc đẩy nông nghiệp thuộc địa có nhiều chuyển biến. Kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp dần tan rã, kinh tế hàng hoá phát triển. Yếu tố tư bản chủ nghĩa (TBCN) xâm nhập vào nông nghiệp đã thúc đẩy sự chuyển biến của xã hội nông thôn, diện mạo nông nghiệp, nông thôn có nhiều thay đổi. Nước ta chuyển sang hình thái kinh tế thuộc địa có nhân tố TBCN. Ngoài những hạn chế do chính sách bóc lột của giai cấp thống trị, kinh tế nông nghiệp nước ta cũng có những đổi thay tích cực nhất định. Xem xét những chuyển biến đó để đánh giá khách quan về quá trình thực dân hoá trở thành một hướng nghiên cứu có ý nghĩa khoa học.

1.2. Bắc Trung Kỳ (Nord-Annam) theo cách phân chia của người Pháp gồm các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh để phân biệt với Trung Trung Kỳ (Centre-Annam) gồm các tỉnh từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi và Nam Trung Kỳ (Sud-Annam) gồm các tỉnh từ Bình Định đến Bình Thuận. Khu vực này có nhiều nét tương đồng về địa lý tự nhiên - xã hội, có tiềm năng để phát triển kinh tế nông nghiệp, có sức hấp dẫn đối với các nhà canh nông. Để hạn chế ảnh hưởng của chính quyền Nam triều, khai thác cả vùng đất “bảo hộ”, thực dân Pháp rất chú ý đến khu vực này. Dưới tác động khách quan của quá trình khai thác, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có những chuyển biến đáng kể. Sự chuyển biến đó tác động đến tình hình kinh tế - xã hội, làm thay đổi diện mạo nông nghiệp, nông thôn khu vực. Nghiên cứu sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ giúp ta nhìn nhận đầy đủ và sâu sắc hơn công cuộc khai thác thực dân ở một khu vực, góp phần hiểu đầy đủ hơn về chế độ thuộc địa ở nước ta.

1.3. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nông nghiệp, nông thôn Thanh-Nghệ-Tĩnh có nhiều thay đổi quan trọng. Tiếp quản các cơ sở kinh doanh nông nghiệp thời thuộc Pháp, các tỉnh trong khu vực đã xây dựng nhiều

nông trường quốc doanh, nhiều hợp tác xã kết hợp công-nông nghiệp để hình thành các vùng chuyên canh lúa, mía đường, cà phê, bông vải... Khi Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới, nông nghiệp các tỉnh trong khu vực có nhiều thành tựu rõ nét. Trong quá trình chuyển đổi cơ chế hiện nay, các doanh nghiệp quốc doanh tỏ ra lúng túng, các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp còn phân tán, qui mô hộ gia đình nhỏ bé. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho từng vùng, đầu ra cho nông sản đang là vấn đề khó khăn chưa giải quyết được... Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở khu vực đang gặp nhiều trở ngại. Nếu sự phát triển nền kinh tế của chúng ta hiện nay cần đến những di sản về kinh tế của lịch sử thì việc phát triển kinh tế nông nghiệp vùng Bắc Trung Kỳ cũ cũng cần đến những kinh nghiệm do thời kỳ cận đại để lại. Do vậy, nghiên cứu sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp là việc làm có giá trị thực tiễn sâu sắc và có ý nghĩa thời sự.

1.4. Nghiên cứu vấn đề nông nghiệp thời thuộc địa góp phần bổ sung mảng kiến thức, tư liệu về kinh tế - xã hội nước ta giai đoạn này; với các tỉnh Bắc Trung Kỳ, việc làm đó càng cần thiết bởi nông nghiệp chiếm vị trí quan trọng nhất trong cơ cấu kinh tế khu vực. Đại bộ phận dân số ở nông thôn và chủ yếu sống nhờ vào nông nghiệp. Trong điều kiện tư liệu về mảng này còn thiếu thốn, công tác nghiên cứu chưa nhiều, việc bổ sung những kiến thức về nông nghiệp khu vực càng thêm ý nghĩa. Riêng với chúng tôi, thực hiện đề tài này tạo điều kiện cho việc nghiên cứu và giảng dạy tốt hơn phần lịch sử địa phương Thanh-Nghệ - Tĩnh.

Với tất cả những lý do trên, tôi mạnh dạn chọn vấn đề: "***Những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1884 đến 1945***" làm đề tài luận án tiến sĩ lịch sử.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.

Dưới thời thuộc địa, một số học giả Pháp đã tiến hành nghiên cứu kinh tế nông nghiệp các tỉnh Bắc Trung Kỳ từ những góc độ và chuyên môn khác nhau. Một số công trình khảo cứu công phu về kinh tế nông nghiệp Đông Dương được công bố, đáng chú ý là Y.Henry với "*Economie agricole de l'Indochine*" (Kinh tế nông nghiệp Đông Dương, Hà Nội, 1932), Paul Bernard với "*Le problème économique Indochinois*" (Vấn đề

kinh tế Đông Dương, Paris, 1934), P.Gourou với "*L'Utilisation du sol en Indochine Française*" (Sử dụng ruộng đất ở Đông Dương thuộc Pháp, Paris, 1940). Trong những công trình này, các tác giả tập trung phân tích tình hình sở hữu ruộng đất, canh tác nông nghiệp, sử dụng nhân công trong kinh tế nông nghiệp Đông Dương và đã đề cập tới các tỉnh Bắc Trung Kỳ. Đó là những khảo cứu nghiêm túc dựa trên các số liệu điều tra từ nhiều nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên, số liệu được công bố chỉ giới hạn trong những năm nhất định, thiếu đi yếu tố "động" - tức là sự biến đổi năm này qua năm khác và sự chuyển biến giữa thời quân chủ với thời thuộc địa, do vậy thiếu đi sự so sánh lịch đại. Bên cạnh đó, phương pháp tiếp cận của các tác giả chưa làm nổi bật được mối quan hệ giữa chính sách đầu tư, điều kiện cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế nông nghiệp cũng như tác động của nó tới xã hội nông thôn.

Kinh tế nông nghiệp Trung Kỳ nói chung cũng được đề cập trong một số ít công trình. Hội đồng tư vấn hỗn hợp thương mại và canh nông Trung Kỳ biên soạn cuốn sách "*L'Annam*" năm 1906, Tập san "*Bulletin des Amis du Vieux Hue*" (Những người bạn cố đô Huế), số đặc biệt về Trung Kỳ (số1-2, năm 1931) đã tập hợp nhiều bài viết về kinh tế khu vực. Hai công trình này chỉ giới thiệu khái quát kinh tế khu vực từ canh nông, thương mại đến kinh tế đồn điền; trong đó nhấn mạnh tình hình canh tác một số cây trồng và khai thác ở một số đồn điền trong khu vực.

Nghiên cứu cụ thể về các tỉnh Bắc Trung Kỳ, đã có một số công trình được công bố như "*Le Thanh Hoa*" (Ch.Robequain), "*La Province Thanh Hoa*", "*Le vieux An-Tĩnh*" (H.Le Breton). Hai công trình của H.Le Breton tập trung nghiên cứu về lịch sử - văn hoá, tác giả chỉ đề cập tới điều kiện tự nhiên của các tỉnh trong khu vực. Riêng Ch.Robequain trong công trình của mình đã nghiên cứu tương đối hệ thống về tỉnh Thanh Hoá dưới góc độ địa lý tự nhiên - xã hội, các ngành kinh tế và tác động của cuộc khai thác thực dân. Tuy nhiên, trong "*Le Thanh Hoa*", tác giả chỉ đề cập những yếu tố tích cực của công cuộc khai thác, đề cao chiêu bài "khai hoá văn minh", thiếu đi sự khách quan.

Đáng chú ý là các bài viết và công trình thực nghiệm của các nhà nghiên cứu, quản lý về nông nghiệp Bắc Trung Kỳ được đăng trên các tập

san "*Bulletin économique de l'Indochine*" (Tập san kinh tế Đông Dương), "*L'Éveil économique de l'Indochine*" (Sự thức tỉnh kinh tế Đông Dương). Công trình "*Chuyên luận về nông nghiệp Nghệ An*" (M.G. Castagnol) đã giới thiệu khái quát về điều kiện canh tác, thổ nhưỡng, cơ cấu cây trồng, diện tích, năng suất, sản lượng cây lương thực và hoa màu phụ ở tỉnh này. Những bài "*Trong những vùng đất đỏ ở miền Bắc Trung Kỳ*", "*Cuộc khủng hoảng và các đồn điền cà phê ở Thanh Hoá*" (H.Cucherousset) đã phản ánh lịch sử khai khẩn và khai thác của các đồn điền cà phê ở Thanh Hoá. Các bài "*Báo cáo về việc khai hoang trong vùng Phủ Quỳ*" (G.M. Castagnol), "*Nỗ lực cơ cực của Phủ Quỳ*" (Claudion), "*Tình cảnh khó khăn của Phủ Quỳ*" tập trung nghiên cứu về tình hình canh tác cà phê ở Phủ Quỳ. Các bài "*Trồng lúa ở Yên Định*", "*Cây bông ở Thanh Hoá*" (M.H. Gilbert), "*Đất đai và cây trồng ở Thanh Hoá*" (F.Roule và Thân Trọng Khôi) phản ánh tình hình trồng lúa, bông và một số cây trồng khác tại Thanh Hoá. Bài "*Bản ghi về các thí nghiệm bèo hoa dâu trong tỉnh Thanh Hoá*" (D.Kellerman), "*Tác dụng của phân xanh trong sản xuất bông và kết quả thu được của Sở thí nghiệm Yên Định*" ghi nhận kỹ thuật làm phân xanh cho lúa và cây trồng. Việc dẫn thủy nhập điền ở Bắc Trung Kỳ được phản ánh trong một số bài như "*Dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hoá*" (Peytavin), "*Những công trình thủy nông ở Trung Kỳ*" (H.Cucherousset), "*Diễn văn của Toàn quyền Đông Dương nhân dịp khánh thành dẫn thủy nhập điền ở Nghệ An*" (J. Brévié)... Nguồn tư liệu trong các báo này tương đối tin cậy, đề cập tới những vấn đề cụ thể của kinh tế nông nghiệp khu vực, nhưng nội dung được phản ánh từ nhiều góc độ chuyên môn khác nhau, thiếu tính hệ thống.

Ngoài ra, các ấn phẩm bằng chữ quốc ngữ như "*Trung Kỳ bảo hộ quốc ngữ*" đã đăng tải nhiều nghị định của chính quyền, diễn biến nông nghiệp khu vực. Các báo "*Nam Phong*", "*Tri tân*", "*Thanh-Nghệ-Tĩnh tân văn*" đăng nhiều bài viết về văn hoá - xã hội Bắc Trung Kỳ nhưng theo quan điểm thực dân, đề cao công cuộc khai thác thuộc địa. Các báo "*Tiếng dân*", "*Sao mai*", "*Thanh Nghị*"... đã khách quan hơn khi phản ánh tình trạng bần cùng hoá của người dân ở Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhất là sau 1954, nhiều công trình khảo cứu về kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc Pháp, trong đó có đề cập đến các tỉnh Bắc Trung Kỳ được công bố. Đáng chú ý là các công trình

"*Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*" (Trần Huy Liệu, Hà Nội, 1957), "*Tìm hiểu sự phát triển xã hội Việt Nam*" (Minh Tranh, Hà Nội, 1957), "*Những thủ đoạn bóc lột của đế quốc Pháp ở Việt Nam*" (Nguyễn Khắc Đạm, Hà Nội, 1957), "*Thực trạng giới nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*" (Phạm Cao Dương, Sài Gòn, 1965), "*Chủ nghĩa đế quốc Pháp và tình hình công nghiệp Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*" (Phạm Đình Tân, Hà Nội 1959). Một số chuyên khảo về giai cấp công nhân Việt Nam cũng có đề cập đến công nhân đồn điền của các tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh như "*Giai cấp công nhân Việt Nam*" (Trần Văn Giàu, Hà Nội, 1961), "*Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng*" (Ngô Văn Hoà, Dương Kinh Quốc, Hà Nội 1978). Trong giáo trình "*Lịch sử Việt Nam cận đại*" của Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, "*Tài liệu tham khảo lịch sử cận đại Việt Nam*" của tập thể tác giả Viện sử học cũng ít nhiều đề cập đến nông nghiệp của các tỉnh Bắc Trung Kỳ. Đó là những công trình nghiên cứu công phu về lịch sử Việt Nam được thực hiện theo phương pháp luận sử học Mác-xít, cung cấp cho chúng tôi những hiểu biết căn bản về hình thái kinh tế - xã hội nước ta thời thuộc Pháp. Tuy nhiên, các công trình này tập trung phân tích những hạn chế của chế độ thuộc địa mà chưa chú ý đúng mức tới những tác động tích cực của cuộc khai thác thực dân. Theo chúng tôi, điều đó cần được bổ sung để chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về chế độ thuộc địa ở nước ta.

Đặc biệt, đã có những công trình chuyên khảo về cơ cấu kinh tế - xã hội, nông nghiệp nông thôn nước ta thời thuộc Pháp được công bố như "*Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống nông dân trước cách mạng tháng Tám*" (Nguyễn Kiến Giang, Hà Nội, 1958), "*Tình hình ruộng đất nông nghiệp và đời sống nông dân dưới triều Nguyễn*" (Trương Hữu Quýnh, Đỗ Bang chủ biên, Huế, 1997), "*Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa 1858-1945*" (Nguyễn Văn Khánh, Hà Nội, 1999, tái bản lần hai năm 2004). Đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, đã diễn ra cuộc thảo luận sôi nổi về nông nghiệp và đời sống nông dân thời thuộc Pháp và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã tập hợp trong ấn phẩm "*Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại*" (Hà Nội, 1990-1992). Một số bài viết đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* cũng đề cập ít nhiều đến vấn đề chúng tôi nghiên cứu, đáng chú ý là các bài viết về ruộng đất của các tác giả Nguyễn

Đức Nghinh, Trương Hữu Quýnh, Vũ Huy Phúc,... Một số luận án tiến sĩ đã công bố cũng giúp chúng tôi những hiểu biết về chính sách đầu tư tín dụng nông nghiệp hay chính sách khai thác đồn điền của thực dân Pháp như "*Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương 1858 - 1939*" (Aumiphin, Hà Nội 1994), "*Đồn điền người Pháp ở Bắc Kỳ*" (Tạ Thị Thuý, Hà Nội, 1996), "*Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam 1875-1945*" (Phạm Quang Trung, Hà Nội 1997). Với nguồn tài liệu phong phú (nhất là tài liệu lưu trữ), các công trình này đã phản ánh tương đối trung thực và khách quan về kinh tế Việt Nam thời thuộc Pháp. Kế thừa những hiểu biết về kinh tế nông nghiệp trên bình diện chung của cả nước, chúng tôi có điều kiện so sánh và cụ thể hoá ở khu vực Bắc Trung Kỳ.

Trong một số công trình lịch sử chuyên ngành, nông nghiệp Việt Nam qua các thời kỳ được nghiên cứu hệ thống, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ được đề cập nhất định. Đáng chú ý là các công trình "*Lịch sử nông nghiệp Việt Nam*" (Đường Hồng Dật chủ biên, Hà Nội 1994), "*Về cơ cấu nông nghiệp Việt Nam*" và "*Văn minh lúa nước và nghề trồng lúa Việt Nam*" (Bùi Huy Đáp, Hà Nội 1983, 1985), "*Sơ thảo lịch sử thủy nông Việt Nam*", Tập I (Phan Khánh, Hà Nội, 1981)... Phương pháp tiếp cận chuyên ngành khiến các công trình này nghiêng về phản ánh kỹ thuật nông nghiệp.

Trong nhiều năm qua, công tác sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương được các tỉnh trong khu vực tiến hành có hiệu quả. Một số công trình như "*Lịch sử Nghệ Tĩnh*" (Vinh, 1984), "*Nghệ - Tĩnh hôm qua và hôm nay*" (Hà Nội, 1986), "*Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ Tĩnh*" (tập I, Vinh, 1987), "*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá*" (tập I, Thanh Hoá, 1991), "*Lịch sử Đảng bộ Hà Tĩnh*" (tập I, Hà Nội, 1993), "*Địa chí Thanh Hoá*" (Hà Nội, 2000),... cùng với lịch sử Đảng bộ các huyện trong 3 tỉnh đã ít nhiều đề cập đến tình hình kinh tế - xã hội địa phương mà chúng tôi nghiên cứu. Ở nước ngoài, vấn đề kinh tế nông nghiệp và xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ được nghiên cứu trong những công trình bằng tiếng Anh của Ngô Vĩnh Long, James C .Scott, Samuel Popkin, Martin Murray... ở những năm 70 và 80 của thế kỷ trước. Gần đây, một số kỷ yếu hội thảo khoa học đã công bố như "*Xô viết Nghệ Tĩnh*" (Vinh, 2000), "*Thanh Hoá thời Nguyễn 1802- 1930*" (Thanh Hoá, 2002) đã tập hợp một số bài viết về kinh tế nông nghiệp và đời sống nông dân các tỉnh trong khu vực thời cận đại.

Nhìn chung, các công trình đã công bố chỉ điếm qua tình hình kinh tế nông nghiệp và đời sống nông dân ở các tỉnh Bắc Trung Kỳ từ những góc độ khác nhau. Trong số ít công trình có tính chuyên luận, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ chỉ được đề cập tới một số khía cạnh, không có tính hệ thống, một số công trình thời thuộc địa thiếu tính khách quan. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của nhiều người đi trước cả về tư liệu lẫn cách tiếp cận, chúng tôi hệ thống lại một cách toàn diện và khách quan về kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp; đồng thời đặt những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ (bao gồm cả chuyển biến trong lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, đời sống xã hội nông thôn) trong cái nhìn so sánh lịch đại và đồng đại nhằm tái hiện quá trình lịch sử kinh tế nông nghiệp khu vực. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ có cái nhìn khách quan hơn về tác động của cuộc khai thác thực dân ở một khu vực, góp phần hiểu thêm về lịch sử Việt Nam thời thuộc Pháp.

3. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu.

Nghiên cứu những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1884 đến 1945 nhằm làm sáng tỏ tác động bởi quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đến tình hình kinh tế - xã hội khu vực, rút ra những nhận xét khách quan về công cuộc thực dân hóa ở một khu vực, góp phần hiểu thêm về chế độ thuộc địa ở nước ta. Luận án nhằm bổ sung nguồn tư liệu, góp phần nghiên cứu và giảng dạy tốt hơn phần lịch sử địa phương; đồng thời nêu lên những bài học kinh nghiệm, đề xuất những giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh hiện nay.

3.2. Đối tượng nghiên cứu.

- Chính sách khai thác thuộc địa và chính sách đối với nông nghiệp của thực dân Pháp ở Bắc Trung Kỳ. Đặc thù của chính sách khai thác ở khu vực do hoàn cảnh lịch sử, điều kiện tự nhiên - xã hội chi phối.

- Những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ về sở hữu ruộng đất, quan hệ sản xuất, phương thức kinh doanh nông nghiệp, cơ cấu, kỹ thuật nông nghiệp, tình hình canh tác nông nghiệp...

- Tác động của chuyển biến kinh tế nông nghiệp đối với xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ. Sự chuyển biến của nền kinh tế phong kiến cổ truyền sang nền kinh tế thuộc địa có nhân tố TBCN. Sự biến động về dân cư và địa

bàn cư trú, sự phân hoá giai cấp trong xã hội nông thôn. Đời sống của nông dân các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh thời thuộc Pháp.

- So sánh sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp thời thuộc địa với thời quân chủ (trước 1884) ở Bắc Trung Kỳ, mức độ chuyển biến giữa hai lần khai thác thuộc địa; từ đó nêu lên đặc điểm, đánh giá tác động của quá trình thực dân hoá ở khu vực.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi không gian* là các tỉnh Bắc Trung Kỳ. Trong đó chúng tôi chú trọng nghiên cứu những nơi chịu nhiều tác động của công cuộc khai thác thuộc địa. Với bộ phận kinh tế của người bản xứ, chúng tôi tập trung nghiên cứu nông nghiệp ở vùng đồng bằng và trung du, còn nông nghiệp của đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi - sự chuyển biến là không đáng kể, thậm chí canh tác nông nghiệp ở đây nằm ngoài kiểm soát của chính quyền.

- *Phạm vi thời gian* là thời thuộc Pháp (tức là từ năm 1884 - khi triều Nguyễn chính thức đầu hàng thực dân Pháp bằng việc ký Hiệp ước Patơnot, Trung Kỳ trở thành vùng đất “bảo hộ” đến Cách mạng tháng Tám 1945 - chấm dứt chế độ thuộc địa ở Việt Nam). Lựa chọn phạm vi thời gian này cho chúng tôi cái nhìn so sánh giữa hình thái kinh tế nông nghiệp thời quân chủ với thời thuộc địa, từ đó nêu bật được những chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời cận đại.

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

4.1.1. Nguồn tài liệu thành văn

Nguồn tài liệu lưu trữ gồm báo cáo kinh tế (Rapport économique) hàng quý, hàng năm của Công sứ các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và báo cáo thường niên của Khâm sứ Trung Kỳ, Sở Canh nông Trung Kỳ và Nha nông lâm thương mại, phủ Toàn quyền Đông Dương. Ngoài ra chúng tôi đã tham khảo và tập hợp số liệu từ Niên giám thống kê Đông Dương, Niên giám kinh tế Đông Dương. *Nguồn tài liệu tham khảo* gồm các giáo trình lịch sử, các công trình nghiên cứu về kinh tế nông nghiệp Việt Nam của các học giả trong và ngoài nước. *Nguồn tài liệu địa chí, báo chí và tạp chí đương thời* lưu ở thư viện các tỉnh.

4.1.2. *Tư liệu điền dã*: Điền dã một số nơi vốn là đồn điền của người Pháp và các công trình thủy nông lớn được xây dựng thời thuộc Pháp.

4.1.3. *Tư liệu hồi cố, phỏng vấn*: Hồi ký của một số người đã từng sinh sống, hoạt động cách mạng ở Thanh-Nghệ-Tĩnh thời thuộc Pháp.

4.2. *Phương pháp nghiên cứu*

Cơ sở của phương pháp luận là lý luận của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hình thái kinh tế xã hội, về lịch sử kinh tế nước ta thời thuộc Pháp.

Để giải quyết các nhiệm vụ khoa học đặt ra, chúng tôi sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chuyên ngành cơ bản: phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng các phương pháp liên ngành như quan sát, phỏng vấn, thống kê xã hội học và nhất là điền dã, hồi cố lịch sử.

5. **Đóng góp của luận án:**

- Luận án trình bày những chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp trên các mặt: chính sách khuyến nông, biện pháp kỹ thuật, phát triển thủy lợi, dẫn thủy nhập điền, chuyển biến của quan hệ sở hữu ruộng đất, phương thức kinh doanh và sử dụng đất, cơ cấu nông nghiệp, chuyển biến của canh tác nông nghiệp (diện tích, năng suất, sản lượng)....

- Phân tích những tác động của quá trình khai thác thuộc địa nói chung, của nông nghiệp nói riêng đối với tình hình kinh tế - xã hội các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh thời thuộc Pháp.

- Cung cấp thêm những hiểu biết về đời sống của nông dân trong khu vực dưới chế độ thuộc địa. Bổ sung tư liệu về lịch sử địa phương, nhất là mảng kinh tế, góp phần làm sáng tỏ tình hình kinh tế - xã hội khu vực Trung Kỳ nói riêng, Việt Nam nói chung thời cận đại.

- Làm rõ những đặc điểm của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp. Từ đó, kiến giải kinh nghiệm, đề xuất giải pháp, góp phần hoạch định chính sách để phát triển hơn nữa kinh tế nông nghiệp và nông thôn khu vực này hiện nay.

6. Bố cục của luận án. Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, phần nội dung có 4 chương.

Chương 1. Vài nét về tình hình kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ trước năm 1884 .

Mục đích của chương này là trình bày thực trạng kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ trước năm 1884 nhằm làm cơ sở để so sánh và qua đó làm nổi bật sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp ở khu vực thời thuộc địa so với thời phong kiến. Nội dung chính thể hiện qua mấy điểm sau:

Thứ nhất, chúng tôi đánh giá điều kiện tự nhiên và xã hội ở Bắc Trung Kỳ để thấy khu vực này tương đối đa dạng về sinh thái, có nhiều tiềm năng nhưng cũng lắm thách thức cho việc phát triển kinh tế nông nghiệp. Đặc biệt, khu vực này có tiềm năng để phát triển nghề trồng lúa, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Tuy không hoàn toàn có thế mạnh về nông nghiệp như ở đồng bằng Bắc Kỳ hay Nam Kỳ nhưng Bắc Trung Kỳ có những đặc điểm riêng về phong thổ để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng. So với Trung Trung Kỳ và Nam Trung Kỳ thì khu vực Bắc Trung Kỳ được xem là vựa lúa tốt nhất của xứ Trung Kỳ.

Thứ hai, chúng tôi trình bày các chính sách của triều Nguyễn đối với nông nghiệp cả nước nói chung và với các tỉnh ở Bắc Trung Kỳ nói riêng. Nhìn chung, chính sách nông nghiệp của triều Nguyễn đối với khu vực này không có gì đặc biệt ngoài một số ưu tiên cho "quý hương" họ Nguyễn và hai dòng họ Lê, Trịnh. Từ những phân tích về chính sách khai hoang phục hoá, chính sách trị thủy, chính sách ruộng đất, chế độ tô thuế để thấy vua Nguyễn đã chú trọng phát triển nông nghiệp, nhưng hiệu quả thấp. Đặc biệt, công tác thủy nông còn nhiều hạn chế. Bắc Trung Kỳ không phải là khu vực được triều Nguyễn chú ý để xây dựng các công trình thủy lợi nên lũ lụt, hạn hán thường xuyên xảy ra, đe dọa đến tình hình canh tác nông nghiệp và đời sống của người dân.

Thứ ba, chúng tôi tập trung phân tích thực trạng của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ trên mấy khía cạnh:

- *Về sở hữu ruộng đất*: Ruộng đất công dân bị thu hẹp bởi vua Nguyễn gần như bất lực trước tình trạng "biếm công vi tư". Những cố gắng của triều Nguyễn nhằm bảo vệ ruộng công đã không có kết quả như mong

muốn. Ruộng công thuộc quyền quản lý trực tiếp của nhà nước bị hoang hoá nhiều. Vùng đất ở miền trung du gần như chưa được khai thác, các hoạt động khai khẩn của "đôn sơn phòng" hầu như chưa đáng kể. Ruộng đất công làng xã được duy trì ở mức 20% diện tích, mức trung bình so với cả nước nhưng rất thấp so với một số nơi ở Trung Trung Kỳ (tỷ lệ ruộng công lên tới hơn 70%). Ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân chiếm tới 80% diện tích nhưng chủ yếu là sở hữu nhỏ, manh mún.

- *Về canh tác nông nghiệp*: Lúa là cây trồng chủ đạo nhưng canh tác lúa chủ yếu dựa vào tự nhiên, kinh nghiệm, kỹ thuật nông nghiệp lạc hậu, thu hoạch thất thường. Năng suất lúa thấp, chỉ ở dưới mức 9 tạ/ha, mức trung bình so với khu vực Trung Kỳ nhưng thấp hơn so với Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Bình quân ruộng đất tính theo đầu người còn tương đối lớn (ở mức 1,7 mẫu/ người thời vua Gia Long còn mức 1,0 mẫu/ người đến thời vua Tự Đức) nhưng diện tích canh tác thực tế bị giảm sút vì ruộng đất bị hoang hóa. Cuối thời vua Tự Đức, tình trạng ruộng đất hoang hóa diễn ra trầm trọng do chiến tranh, thiên tai và hạn chế của công tác thủy lợi. Trong thời điểm chiến sự diễn ra gay gắt trong Nam ngoài Bắc, khu vực Bắc Trung Kỳ còn tương đối yên bình thì nông nghiệp khu vực vẫn không có sự chuyển biến nào bởi triều Nguyễn lúng túng không có biện pháp dứt khoát để cải thiện tình hình.

- *Về phương thức sản xuất và quan hệ sản xuất*: Phương thức sản xuất manh mún, tự cung tự cấp. Quan hệ sản xuất bao trùm vẫn là địa chủ - tá điền và phương thức sản xuất chủ yếu là phát canh thu tô, hình thức cấy rẽ trở nên phổ biến. Hình thức thu địa tô bằng hiện vật khiến cho kinh tế hàng hóa không có điều kiện phát triển. Kinh tế Bắc Trung Kỳ khép kín, giao thương khó khăn, thị trường gần như không có.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi đi đến khẳng định: khu vực Bắc Trung Kỳ có tiềm năng để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng. Triều Nguyễn đã có nhiều cố gắng để phát triển kinh tế nông nghiệp nhưng hiệu quả thấp. Cho đến năm 1884, kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ vẫn ở trong tình trạng lạc hậu, độc canh, tự cung tự cấp.

Chương 2. Những biến đổi bước đầu trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1884 đến 1918.

Chương này tập trung trình bày những biến đổi bước đầu của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ khi bước sang thời thuộc địa. Những biến động chính trị cùng với sự dè dặt trong chính sách đầu tư của chính quyền là nguyên nhân làm chậm mức độ biến đổi của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ so với nơi khác và so với giai đoạn sau Thế chiến I. Nội dung chương 2 đề cập đến các vấn đề :

Thứ nhất, chúng tôi trình bày các chính sách mới trong thời kỳ khai thác thuộc địa quy mô lớn của thực dân Pháp; đường lối chung là biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hoá độc quyền, nơi cung cấp nguyên, nhiên liệu và nhân công giá rẻ, đầu tư tài chính cho vay nặng lãi. Trong đó, chúng tôi nhấn mạnh chính sách khai thác nông nghiệp. Đối với nông nghiệp khu vực, chính quyền thuộc địa khuyến khích phát triển đồn điền, đầu tư cải tạo thủy nông, ứng dụng một số biện pháp kỹ thuật, du nhập các giống cây trồng vật nuôi mới, khai thác nguồn nông sản dồi dào, nhất là các sản phẩm nhiệt đới xuất khẩu để kiếm lời.

Thứ hai, chúng tôi trình bày các điều kiện và những tiền đề thúc đẩy sự chuyển biến của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ, đó là:

- *Giao thông vận tải* bao gồm đường sắt, đường bộ, đường thủy, cầu cảng được đầu tư xây dựng tạo điều kiện cho việc giao thương. Ngoài quốc lộ 1, hai con đường sang Lào (7 và 8) cũng được gấp rút xây dựng, tuyến đường sắt Hà Nội-Vinh, Vinh-Đông Hà cũng hoàn thành, mạng lưới đường sông được nạo vét, cảng Bến Thủy được đầu tư xây dựng tạo điều kiện cho việc xuất khẩu hàng nông sản. Thương nghiệp được củng cố. Một số hãng buôn, hội buôn ra đời. Điều kiện đó thúc đẩy nông nghiệp Bắc Trung Kỳ chuyển biến theo hướng kinh tế hành hoá.

- *Đặc biệt, chính quyền chú trọng đến việc cải tạo thủy nông.* Hệ thống đê sông Mã, sông Cả được củng cố. Một số công trình chống úng, ngập mặn được xây dựng. Một số dự án thủy nông được triển khai. Trại giống Yên Định được thành lập năm 1905 đã có nhiều hoạt động nghiên cứu, cải tiến giống lúa, bông và một số cây trồng khác. Chính quyền cũng khuyến khích phát triển kinh tế đồn điền thông qua việc ban hành các nghị định về cấp phát ruộng đất cùng một số biện pháp khen thưởng.

Thứ ba, chúng tôi tập trung phân tích những biến đổi bước đầu của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ, thể hiện trên mấy khía cạnh sau:

- *Kinh tế đồn điền phát triển mạnh* và là một nhân tố mới làm biến đổi nông nghiệp khu vực. Tuy có muộn hơn so với nơi khác nhưng đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đồn điền đã lần lượt được thiết lập ở Bắc Trung Kỳ. Từ các "đồn sơn phòng" thời quân chủ, các đồn điền dần được mở rộng. Việc phát hiện ra vùng đất đỏ và sự xuất hiện của cây cà phê khiến cho kinh tế đồn điền có nhiều khởi sắc. Đồn điền phân bố chủ yếu ở vùng trung du. Khai thác đồn điền đang dừng lại của những cố gắng cá nhân. Các đồn điền chủ yếu trồng lúa, một số đồn điền đã trồng cây công nghiệp như cà phê, mía, chè...

- *Nông nghiệp Bắc Trung Kỳ đã có những biến đổi bước đầu, trước hết thể hiện ở sở hữu ruộng đất và tổ chức sản xuất.* Ruộng đất công tiếp tục bị thu hẹp, mở đường cho mô hình sở hữu lớn của tư nhân phát triển. Mức độ chiếm đoạt ruộng đất của địa chủ Pháp, nhà Chung và địa chủ phong kiến ngày một mở rộng. Xuất hiện phương thức mới trong sử dụng đất và kinh doanh nông nghiệp. Nghề trồng cây công nghiệp được chú ý. Mô hình trồng trọt kết hợp với chăn nuôi đại gia súc phát triển. Thế độc canh lúa của nông nghiệp dần bị phá vỡ.

- *Kỹ thuật nông nghiệp đã có những biến đổi* so với thời kỳ trước năm 1884. Hệ thống thủy nông được cải tạo, công tác nghiên cứu thủy lợi nông nghiệp được chú ý, nhiều dự án thủy nông được triển khai với sự tham gia của các kỹ sư giỏi. Đáng kể nhất là Normandin đã hoàn thành bản thiết kế công trình thủy nông sông Chu vào năm 1918. Công tác cải tạo, nhân giống, phổ biến kỹ thuật lần đầu tiên được tổ chức một cách hệ thống với sự ra đời của trạm giống Yên Định. Một số cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao được du nhập vào Bắc Trung Kỳ, đặc biệt là cây cà phê. Sau thành công của Gauthier ở đồn điền Yên Mỹ, diện tích trồng cà phê không ngừng được mở rộng. Điều đó có ý nghĩa đáng kể trong việc khai khẩn vùng đất đỏ ở miền trung du vốn trước đây vẫn còn hoang hóa.

- *Yếu tố hàng hóa đã xâm nhập vào nông nghiệp*, Bắc Trung Kỳ trở thành nơi xuất khẩu hàng nông sản lớn của cả nước về bông vải, mía đường, cà phê,... Sản phẩm chủ yếu được bán ra Bắc Kỳ, một phần được xuất khẩu sang Pháp qua cảng Bến Thủy.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi đi đến khẳng định: So với thời kỳ trước năm 1884, nông nghiệp khu vực đã có những biến đổi bước đầu và bắt đầu chuyển dịch theo hướng hàng hóa, kinh tế đồn điền phát triển mạnh, đất đai hoang hoá ở trung du bước đầu được khai thác, thủy nông được củng cố, xuất hiện một số cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Nông nghiệp Bắc Trung Kỳ đã bắt đầu hình thành 2 bộ phận: của người Pháp và của người "bản xứ". Hoạt động canh nông chủ yếu là cố gắng của những cá nhân, chưa có sự tổ chức của Nhà nước. So với Bắc Kỳ và Nam Kỳ, sự thay đổi của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ muộn hơn, mức độ biến đổi chưa đáng kể nhưng so với Trung Trung Kỳ và Nam Trung Kỳ thì nông nghiệp Bắc Trung Kỳ khởi sắc hơn cả.

Chương 3. Những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ 1919 đến 1945.

Chương này tập trung phân tích những điều chỉnh trong chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến mạnh mẽ trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ từ sau Thế chiến I đến năm 1945. Chương này gồm các nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, hướng đầu tư của thực dân Pháp đã có sự điều chỉnh, trong đó nông nghiệp là ngành được ưu tiên nhất. Đầu tư cho nông nghiệp tăng đột biến bao gồm cả vốn Nhà nước và tư nhân. Hoạt động canh nông đã có sự tổ chức, định hướng của chính quyền. Đẩy mạnh cuộc khai thác thuộc địa ở khu vực, đồng thời xoa dịu tinh thần đấu tranh của nhân dân, thực dân Pháp đã đầu tư xây dựng ở Bắc Trung Kỳ các công trình thủy nông lớn, nguồn vốn được trích từ ngân sách chung Đông Dương. Cũng trong thời gian này, Bắc Trung Kỳ trở thành một "tâm điểm" thu hút sự quan tâm của các nhà canh nông, nhất là các nhà canh nông đã có kinh nghiệm ở Bắc Kỳ để mở rộng các đồn điền trồng cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc.

Thứ hai, các điều kiện và tiền đề thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển được mở rộng hơn so với thời kỳ trước Thế chiến I, đặc biệt là công tác thủy nông. Các công trình thủy lợi lớn được xây dựng bao gồm: đập Bái Thượng, đập Đô Lương, đập Nam Đàn, bara Bến Thủy, trạm bơm Linh

Cảm...Hệ thống dẫn thủy nhập điền cũng được hoàn thành: hệ thống sông Chu ở Thanh Hoá, hệ thống sông đào ở miền Tây Nghệ An, hệ thống sông đào Bắc Hà Tĩnh. Hệ thống đập Bái Thượng - sông Chu, hệ thống Đô Lương - kênh đào Bắc Nghệ An là 2 công trình đại thủy nông thời thuộc Pháp. Bên cạnh đó, các hoạt động đầu tư tài chính được chú ý. Đại lý của Ngân hàng Nông phố lần lượt được thiết lập ở Thanh Hoá, Vinh, Hà Tĩnh và hoạt động có hiệu quả nhất định. Một điểm mới trong hoạt động tín dụng là có sự tham gia của các công ty vô danh, các hãng buôn, hội buôn lớn. Công tác chọn giống cũng được sự quan tâm của chính quyền với việc mở rộng trại giống Yên Định (Thanh Hoá) và thành lập các trại giống mới: Cao Trại (Phủ Quỳ - Nghệ An), Vân Du (Thạch Thành), trại chăn nuôi Bãi Áng (Nông Cống - Thanh Hoá).

Thứ ba, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ đã có những chuyển biến rõ nét, thể hiện trên mấy khía cạnh sau:

- *Về sở hữu ruộng đất*: Ruộng đất công tiếp tục bị thu hẹp, chỉ còn mức dưới 20%, vào loại thấp nhất ở Trung Kỳ. Mức độ tập trung ruộng đất vào tay thực dân, địa chủ ngày càng lớn. Đất được cấp nhượng lập đồn điền lên tới 37.114 ha (chiếm tỷ lệ 13% đất canh tác), 70% đồn điền có diện tích từ 100 ha đến trên 10.000 ha. Địa chủ phong kiến và địa chủ nhà Chung phát triển nhanh về tiềm lực kinh tế, chiếm đoạt ruộng đất lên tới hàng nghìn mẫu. Sở hữu ruộng đất của người bản xứ phổ biến là nhỏ và vừa: dưới 5 mẫu (93,6%), từ 5 đến 50 mẫu (6,3%), trên 50 mẫu (0,1%).

- *Về quan hệ sản xuất*: Quan hệ địa chủ - tá điền vẫn được duy trì nhưng đã chuyển biến dưới nhiều hình thức khác nhau: thuê nhân công, cấy rẽ, cho thuê ruộng. Hình thức địa tô cũng chuyển biến theo: ngoài tô hiện vật, tô lao dịch, xuất hiện tô tiền. Quan hệ chủ - thợ được xác lập. Các đồn điền lớn được tổ chức như những xí nghiệp TBCN. Nhân công được sử dụng dưới nhiều hình thức khác nhau: làm công nhật, trả lương tháng, khoán việc, hợp đồng mùa vụ...

- *Về phương thức kinh doanh và sử dụng đất*: Vùng chuyên canh cây công nghiệp như chè, cà phê, bông, mía xuất hiện. Bắc Trung Kỳ được xem là trung tâm trồng và xuất khẩu cà phê lớn nhất Đông Dương thời bấy giờ.

Mô hình trồng trọt kết hợp với chăn nuôi được nhân rộng từ trung du đến đồng bằng, xuất hiện các trang trại chăn nuôi đại gia súc.

- *Về kỹ thuật nông nghiệp*: Thủy lợi, thủy nông nội đồng có bước tiến vượt bậc, các công trình dẫn thủy nhập điền đã tưới cho trên 160.000 ha, riêng hệ thống thủy nông sông Chu có thể tưới cho 60.000 ha, hệ thống Bắc Nghệ An tưới cho 38.000 ha. Phân bón cho canh tác nông nghiệp cũng có bước tiến bộ, kỹ thuật nuôi bèo hoa dâu làm phân xanh được phổ biến rộng rãi. Phân hoá học bước đầu được sử dụng trong việc chăm sóc các loại cây công nghiệp. Một số giống cây trồng, vật nuôi mới được nhân rộng: cà phê Arabica, Chari, Robusta, Excela, ngô Rêuyniông, bông sợi dài của Mỹ và Ai Cập, cam Sunkis, bò Sin, cỏ voi Ghinê, lợn Yoc-sai, cừu Kêlantan... Các biện pháp để bảo vệ đàn gia súc, chăm sóc thú y cho đàn trâu bò bước đầu được chú ý.

- *Về cơ cấu nông nghiệp*. Nghề trồng trọt, trước hết là nghề trồng lúa có nhiều chuyển biến, diện tích được mở rộng, năng suất được cải thiện so với thời điểm trước năm 1918 (từ mức 9 - 11 tạ/ha tăng lên 12 - 15 tạ/ha), do đó sản lượng lúa cũng tăng cao. Đặc biệt, nghề trồng cây công nghiệp phát triển, vùng chuyên canh cà phê, bông vải, mía, chè, cây ăn quả được mở rộng. Nghề chăn nuôi nhất là chăn nuôi trâu bò phát triển nhanh chóng và trở thành một trung tâm lớn của cả nước.

- *Kinh tế hàng hóa đã xâm nhập mạnh mẽ hơn vào nông nghiệp*. Bắc Trung Kỳ thành nơi xuất khẩu cà phê, bông vải và trâu bò lớn nhất nước ta thời bấy giờ.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi đi đến khẳng định: So với thời kỳ trước Thế chiến I, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có nhiều chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều phương diện và phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Đầu tư cho nông nghiệp tăng đột biến và tập trung vào việc phát triển thủy nông, dẫn thủy nhập điền. Ruộng đất công bị thu hẹp, sở hữu lớn phát triển. Canh tác nông nghiệp có nhiều chuyển biến về cơ cấu, diện tích, sản lượng. Kinh tế đồn điền không ngừng được mở rộng, từ trung du đến đồng bằng và ven biển. Phương thức sản xuất TBCN được du nhập sâu sắc hơn. Hoạt động canh nông đã được tổ chức chặt chẽ hơn với vai trò điều tiết, khuyến khích của Nhà nước. So với khu vực Trung Trung Kỳ và Nam Trung Kỳ, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có sự chuyển biến mạnh mẽ nhất.

Chương 4. Xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ dưới tác động của những chuyển biến kinh tế nông nghiệp.

Sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội nông thôn. Chương này nhằm phân tích những biến đổi của xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ thời thuộc địa, nội dung được thể hiện trên mấy vấn đề sau:

- *Nghề thủ công truyền thống có sự biến đổi.* Sang thời thuộc địa, một số nghề thủ công bị sa sút như nghề trồng bông dệt vải, trồng dâu nuôi tằm bởi xu hướng nhập ngoại các sản phẩm tơ, lụa. Một số nghề được duy trì như nghề mộc, đan lát, rèn, đúc, làm gốm, gạch ngói, chế biến hải sản, làm mật mía, ép dầu nhưng không tách khỏi sản xuất nông nghiệp.

- *Dân cư biến động.* Dân số tăng lên nhanh chóng, trong khoảng 40 năm đầu thế kỷ XX, dân số Bắc Trung Kỳ đã tăng lên gấp đôi. Điều đó làm cho diện tích canh tác tính theo đầu người ngày càng giảm. Lao động dôi dư ở đồng bằng rất lớn. Xuất hiện các luồng di dân: từ đồng bằng lên trung du, từ tỉnh này sang tỉnh khác, di cư vào Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ, một bộ phận nhân công từ Bắc Kỳ di cư vào.

- *Địa bàn cư trú mở mang.* Các hoạt động khai thác nông nghiệp đã góp phần khai khẩn đất đai, mở rộng địa bàn cư trú. Đất ngập mặn ven biển ở Nga Sơn, Hoằng Hoá (Thanh Hoá), Quỳnh Lưu, Diễn Châu (Nghệ An) được chinh phục, nhiều làng mạc mới xuất hiện. Đất hoang hoá ở trung du được khai thác triệt để, nhiều khu vực dân cư đông đúc xuất hiện ở Phủ Quỳ (Nghệ An), Thọ Xuân, Nông Cống (Thanh Hoá).

- *Giai cấp bị phân hóa.* Giai cấp nông dân bị phân hoá do sự phân công lao động và sự tác động của các hình thức địa tô. Ở Nghệ An, thành phần bản, cố nông là chủ yếu (83%) đến Hà Tĩnh (74,75), trong khi đó Thanh Hoá có tỷ lệ trung nông khá hơn (21,7%), bản cố nông thấp hơn 2 tỉnh kia (73%). Giai cấp địa chủ cũng phân hoá thành 2 bộ phận. Địa chủ, phú nông chiếm tỷ lệ 4,42% dân đinh ở Thanh Hoá, 3,32% ở Nghệ An, 5,6% ở Hà Tĩnh nhưng chiếm hữu gần 50% diện tích ruộng đất. Cơ cấu giai cấp vận động theo hướng bản cùng hoá của bản, cố nông; sự ổn định tương đối của trung nông, phú nông; sự mở rộng địa vị kinh tế của địa chủ. Mâu thuẫn xã hội sâu sắc, riêng ở Nghệ-Tĩnh, xuất hiện mâu thuẫn giữa phe “hộ” và phe “hào”.

- *Nông dân Bắc Trung Kỳ ngày càng bị bần cùng hóa.* Cuộc sống của nông dân phụ thuộc vào ruộng vườn nhưng diện tích canh tác ngày càng giảm, đến năm 1945 chỉ còn mức 0,18 ha (Thanh Hoá), 0,17 ha (Hà Tĩnh), 0,12 ha (Nghệ An); sản lượng lúa tính theo đầu người cũng giảm theo, trung bình chỉ còn 1,2 tạ/1người/1 năm. Đời sống của nông dân càng thêm khó khăn bởi nhiều mối đe dọa: nạn sưu cao, thuế nặng; phụ thu, lạm bổ; giá bạc và nông sản thất thường; nạn cho vay nặng lãi; thiên tai, ôn dịch... Mức độ bần cùng hóa của nông dân Nghệ - Tĩnh rất nhanh, họ luôn phải đối diện với nạn đói kinh niên. Một bộ phận bị phá sản phải làm tá điền cho địa chủ hoặc đi làm công nhân đồn điền ở vùng trung du hay các hãng công kỹ nghệ ở tỉnh lỵ hoặc Nam Kỳ.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi đi đến khẳng định: những chuyển biến của kinh tế nông nghiệp đã tác động sâu sắc đến đời sống nông thôn Bắc Trung Kỳ. Ngoài một bộ phận thực dân, địa chủ phong kiến, địa chủ nhà Chung giàu lên nhanh chóng thì giai cấp nông dân chiếm hơn 95% dân số phải sống dưới mức nghèo khổ. Mâu thuẫn xã hội gay gắt, điều đó phần nào lý giải vì sao Bắc Trung Kỳ trở thành cái nôi của cách mạng.

KẾT LUẬN

Bắc Trung Kỳ là vùng đất đa dạng về sinh thái tự nhiên - xã hội, được xem như hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam. Điều kiện tự nhiên phong phú, tiềm năng lao động dồi dào, khu vực này có thế mạnh để phát triển nghề trồng lúa, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Điều kiện đó đã thu hút được sự quan tâm của chính quyền thuộc địa và các nhà canh nông. Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho nông nghiệp Bắc Trung Kỳ chuyển dần từ hình thái phong kiến sang hình thái thuộc địa có nhân tố TBCN.

1. Quan hệ ruộng đất và phương thức canh tác đã có nhiều chuyển biến.

So với thời kỳ trước năm 1884, ruộng đất công làng xã ngày càng bị thu hẹp, chỉ còn ở mức trên dưới 15% tổng diện tích, bình quân đầu người chưa đến 2 sào/người. Xu hướng tập trung ruộng đất ngày càng mạnh, loại hình sở hữu lớn xuất hiện. Miền trung du Bắc Trung Kỳ trở thành nơi tập

trung các đồn điền của người Pháp. Giai cấp địa chủ chỉ chiếm 4,5% dân số nhưng lại sở hữu gần 50% diện tích đất canh tác. Tuy nhiên, địa chủ ở Bắc Trung Kỳ chủ yếu là địa chủ nhỏ và trung bình, sở hữu ruộng đất dưới 10 mẫu. Xu hướng tập trung ruộng đất mở đường cho việc kinh doanh lớn trong nông nghiệp, làm thay đổi hình thức sở hữu nhỏ, kinh doanh phân tán của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ, nhưng một bộ phận nông dân đã bị tước đoạt tư liệu sản xuất.

Phương thức sản xuất phong kiến phát canh thu tô vẫn được duy trì nhưng đã chuyển biến dưới nhiều hình thức khác nhau: cấy rẽ, thuê ruộng, thuê nhân công. Các hình thức địa tô cũng chuyển biến theo: từ tô hiện vật, tô lao dịch đến tô tiền. Phương thức sản xuất TBCN bắt đầu được du nhập, quan hệ chủ - thợ xác lập. Sự kết hợp giữa hai phương thức phong kiến và TBCN đã tận dụng tối đa nguồn nhân công, nhưng cũng vì thế mà người làm thuê bị bóc lột thậm tệ hơn.

Nghề trồng cây công nghiệp đã bước đầu phát triển, phương thức trồng trọt kết hợp chăn nuôi trở nên phổ biến, loại hình chăn nuôi lớn xuất hiện. Bắc Trung Kỳ trở thành nơi chuyên canh lúa, cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc lớn. Trước khi vùng đất Tây Nguyên được khai thác, Bắc Trung Kỳ là nơi trồng và xuất khẩu cà phê lớn nhất Đông Dương. Tiềm năng tự nhiên khu vực được khai thác triệt để hơn, tình trạng độc canh lúa trong cơ cấu nông nghiệp dần bị phá vỡ.

Kỹ thuật nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến. Thủy lợi và thủy nông nội đồng được mở mang. Phần diện tích ruộng đất được tưới nước từ các công trình thủy nông vào loại lớn nhất cả nước. Đập Bái Thượng - hệ thống thủy nông sông Chu, đập Đô Lương - hệ thống kênh đào Bắc Nghệ An được coi là những công trình đại thủy nông đã được xây dựng. Diện tích trồng lúa và sản lượng lương thực tăng lên đáng kể. So với thời kỳ trước năm 1884, diện tích trồng lúa tăng gấp đôi (trung bình từ mức 200.000 ha lên mức 400.000 ha). Năng suất lúa tăng lên 1,5 lần (từ mức 8 - 9 tạ/ha lên mức 11 - 14 tạ/ha). Diện tích trồng cây công nghiệp và cây ăn quả không ngừng được mở rộng; có thời điểm, diện tích trồng cà phê chiếm 1/2 so với cả nước.

2. Bộ phận kinh tế đồn điền có nhiều chuyển biến mạnh mẽ nhất trong nông nghiệp Bắc Trung Kỳ.

Trước năm 1884, đồn điền đã xuất hiện, nhưng chỉ đóng vai trò là “đồn sơn phòng”, mang ý nghĩa bảo vệ an ninh chính trị nhiều hơn là kinh tế. Sang thời thuộc địa, đồn điền trở thành một hình thức canh nông của giới điền chủ. Quy mô đồn điền không ngừng được mở rộng. Từ những cố gắng đơn lẻ của các cá nhân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, kinh tế đồn điền dần được tổ chức và phát triển mạnh mẽ. Sau Thế chiến I, hệ thống đồn điền hình thành và mở rộng đến các vùng đồng bằng, xuất hiện đồn điền rộng hàng nghìn hecta như đồn điền của Gauthier ở Yên Mỹ (Thanh Hoá), Walther, Lopic và Công ty ở Phủ Quỳ (Nghệ An)... Đồn điền Yên Mỹ được đánh giá là đẹp nhất Đông Dương.

Khai thác đồn điền ngày càng có hiệu quả. Canh tác cây công nghiệp, nhất là cây cà phê đã mang lại những món lợi nhuận lớn cho các điền chủ. Các đồn điền ở vùng đồng bằng cũng trở nên trù phú với việc kinh doanh lúa gạo. Các điền chủ cũng giàu lên nhanh chóng với việc kết hợp trồng trọt với chăn nuôi. Xuất khẩu trâu bò cũng đem lại những mối lợi lớn. Kỹ thuật canh tác trong các đồn điền có nhiều tiến bộ. Máy nông cụ và phân hoá học bắt đầu được sử dụng.

Cách tổ chức sản xuất đã có những thay đổi đáng kể. Bộ máy quản lý gọn nhẹ, lao động được phân công triệt để, năng lực cá nhân được tận dụng tối đa. Bóc lột nhân công trở nên phổ biến. Cách sử dụng nhân công rất đa dạng, bên cạnh công nhân chuyên nghiệp là lực lượng lao động mùa vụ đông đảo.

Đồn điền trở thành một bộ phận kinh tế nông nghiệp quan trọng, đánh thức được tiềm năng tự nhiên ở trung du Bắc Trung Kỳ.

3. Nông nghiệp Bắc Trung Kỳ đã bắt đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá.

Trước năm 1884, nông nghiệp khu vực đang ở trạng thái tự cung tự cấp. Sang thời thuộc địa, Bắc Trung Kỳ thành nơi xuất khẩu hàng nông sản tương đối lớn của cả nước. Hàng nông sản gồm lương thực (lúa gạo, ngô), các loại hoa màu (đậu, vừng lạc), sản phẩm cây công nghiệp (cà phê, bông

vải, chè, mật mía), hoa quả (cam, quýt, bưởi, dứa), gia súc (trâu, bò). Trong đó: cà phê, bông vải, trâu bò là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, vào loại lớn nhất của cả nước. Hàng nông sản phần lớn được xuất sang Pháp, một số khác được bán ra Bắc Kỳ hay các nước khác. Người Pháp gần như độc quyền thương chính, bên cạnh vai trò trung gian của người Hoa. Cán cân thương mại nghiêng về xuất siêu.

Sự chuyển dịch theo hướng hàng hoá của nông nghiệp khu vực diễn ra chậm hơn so với Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Khi toàn quyền Paul Doumer đưa ra chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897), nông nghiệp Bắc Trung Kỳ mới có những chuyển biến đầu tiên. Phải đến thời kỳ sau Thế chiến I, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ mới có nhiều chuyển biến rõ nét. Mặt khác, những chuyển biến của kinh tế nông nghiệp diễn ra rất chậm chạp. So với trước năm 1884, diện tích canh tác lúa mặc dù tăng lên gấp đôi, năng suất lúa tăng 1,5 lần nhưng dân số Bắc Trung Kỳ lại tăng gấp 5 lần (tính từ thời vua Tự Đức đến năm 1945). Rõ ràng, những chuyển biến của nông nghiệp không theo kịp đà tăng dân số tự nhiên. Đó là một lý do giải thích tình trạng bần cùng hoá ngày càng lớn của nhân dân Bắc Trung Kỳ dưới thời Pháp thuộc.

4. Những nhân tố thúc đẩy sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ.

Nguồn vốn đầu tư, bao gồm vốn của Nhà nước và tư nhân đã thúc đẩy nông nghiệp khu vực phát triển. Cơ sở hạ tầng như giao thông vận tải, thương nghiệp, tiền tệ, các công trình thuỷ nông, các trạm giống... được xây dựng từ nguồn ngân sách chung Đông Dương và ngân sách hàng xứ đã thúc đẩy sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp khu vực.

Chính sách phát triển kinh tế đồn điền ở miền trung du và khai thác vùng đất ngập mặn ở ven biển đã có tác dụng lớn trong việc chinh phục đất hoang hoá. Sự xuất hiện một số cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao ở các đồn điền đất đỏ đã đánh thức được tiềm năng tự nhiên ở trung du Bắc Trung Kỳ.

Ngoài cố gắng "mò mẫm" của những cá nhân thì vai trò của chính quyền cũng rất quan trọng. Sau Thế chiến I, các hoạt động canh nông đã có sự tổ chức, định hướng của chính quyền thuộc địa.

Sự chuyển biến của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ một phần là do sự "vội tay" của các hoạt động canh nông từ Bắc Kỳ vào. Điều đó được thể hiện rất rõ nét ở Thanh Hoá, vùng đất tiếp giáp giữa Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Vốn tư bản tư nhân cùng với kinh nghiệm canh nông của các nhà đầu tư ở Bắc Kỳ đã góp phần quan trọng làm chuyển biến kinh tế nông nghiệp Thanh Hoá nói riêng, khu vực Bắc Trung Kỳ nói chung.

5. Tác động của chuyển biến kinh tế nông nghiệp tới xã hội nông thôn Bắc Trung Kỳ, giai cấp bị phân hoá, nông dân bị bán cùng.

Nông thôn Bắc Trung Kỳ xuất hiện công nhân áo nâu, thợ cày, thợ cấy, thợ gặt, thợ hái cà phê, người làm trung gian, thầu khoán, bốc vác, chở thuê...Thợ thủ công bị phân hoá, một bộ phận bị phá sản do sản phẩm không cạnh tranh được với hàng ngoại nhập.

Sự xâm nhập của kinh tế hàng hoá, sự chuyển biến của các hình thức địa tô, mức độ tập trung ruộng đất ngày càng lớn, mức độ bóc lột của thực dân phong kiến nặng nề... là những nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá xã hội. Ở Nghệ An, nông dân bị bán cùng hoá nặng nề, 37% dân đinh là cố nông, 45,5% là bán nông.

Nông dân bị bán cùng hoá nhanh hơn bởi vì sự chuyển biến của nông nghiệp không theo kịp đà tăng dân số, phân chia lợi nhuận bất bình đẳng, hình thức bóc lột ngày càng thâm tệ và tinh vi. Diện tích gieo trồng tính theo đầu người đã giảm 5 lần tính từ thời vua Tự Đức đến năm 1945 (ở mức 1mẫu/người xuống mức 2sào/người). Sản lượng lúa theo đầu người đã giảm một nửa tính từ những năm đầu thế kỷ XX đến năm 1945 (ở mức 3,2 tạ/người/năm xuống 1,7tạ/người/năm ở Thanh Hoá; 1,6tạ/người/năm xuống 0,8 tạ/người/năm ở Nghệ An). Sự kết hợp giữa phương thức sản xuất phong kiến và TBCN càng làm cho hình thức bóc lột tinh vi hơn. Ở nông thôn Bắc Trung Kỳ, xuất hiện nhiều cách bóc lột thâm tệ: bóc lột tô, tức, bóc lột nhân công, công non, lương non, đong gạo chịu, vay cầm, bán cầm...

Ngoài 2 mối mâu thuẫn chủ yếu là nông dân với địa chủ, nông dân dân với đế quốc, thực dân, nông thôn Bắc Trung Kỳ còn xuất hiện một mâu thuẫn khác cũng rất gay gắt: nông dân với phú nông. Điều đó được thể hiện ở phong trào đấu tranh giữa phe "hộ" và phe "hào" rất riêng biệt ở nông thôn Nghệ - Tĩnh.

6. Một số đặc điểm của sự chuyển chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp.

Bắc Trung Kỳ không hoàn toàn có thế mạnh về nông nghiệp như những vùng miền khác trong cả nước nhưng lại có những điểm riêng về phong thổ và khả năng phát triển nền kinh tế này. Khi so sánh với Bắc Kỳ, Trung Trung Kỳ và Nam Trung Kỳ thì kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có những đặc điểm riêng sau đây:

Thứ nhất, Bắc Trung Kỳ có điều kiện để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng bởi điều kiện tự nhiên phong phú. Ngoài nghề trồng lúa, Bắc Trung Kỳ có tiềm năng để phát triển nghề trồng cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Khu vực này đã thành nơi trồng và xuất khẩu cà phê, chăn nuôi trâu bò lớn nhất của cả nước.

Thứ hai, bên cạnh tiềm năng về nông nghiệp thì Bắc Trung Kỳ có điều kiện để phát triển các ngành kinh tế khác, nhất là thương nghiệp và giao thông vận tải. Tác động tương hỗ giữa các ngành kinh tế đã góp phần thúc đẩy nông nghiệp chuyển biến.

Thứ ba, Bắc Trung Kỳ được xem là cửa ngõ của Lào, là chìa khoá để mở cánh cửa miền Trung Đông Dương, lại ở vị trí tiếp giáp giữa Bắc Kỳ và Trung Kỳ nên thu hút sự chú ý của các nhà canh nông và sự đầu tư của chính quyền thuộc địa.

Thứ tư, đầu tư tư bản bao gồm vốn Nhà nước và vốn tư nhân cho nông nghiệp Bắc Trung Kỳ là tương đối lớn, đặc biệt là trong việc xây dựng các công trình thuỷ nông. Đành rằng, sự đầu tư ấy còn nhằm mục đích mị dân nhưng về mặt khách quan đã thúc đẩy nông nghiệp khu vực có những chuyển biến.

Thứ năm, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ không hoàn toàn phụ thuộc vào nghề trồng lúa. Khi Nhật vào Đông Dương, người dân nơi đây ít chịu tác động của chính sách "phá lúa trồng đay" như nông dân ở một số tỉnh ở Bắc Kỳ. Thu nhập từ nghề phụ và trồng các loại cây lương thực, hoa màu phụ đã cải thiện phần nào đời sống vốn khốn khó của nông dân ở Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp.

7. Bài học kinh nghiệm và một số giải pháp trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Bắc Trung Kỳ hiện nay.

Thứ nhất, những chính sách khuyến nông của chính quyền quyết định cho sự cải tiến nông nghiệp. Một số công trình đại thủy nông thời thuộc Pháp đến nay vẫn đang phát huy tác dụng.

Thứ hai, việc sử dụng cây trồng, vật nuôi phù hợp cũng thúc đẩy nông nghiệp phát triển, sự xuất hiện của cây cà phê là một ví dụ

Thứ ba, tìm đầu ra cho nông sản cũng là một vấn đề quyết định đến sản xuất nông nghiệp. Ngoài sự nhay bén của các nhà canh nông, chính quyền thuộc địa cũng có vai trò nhất định trong việc tìm đầu ra cho nông sản.

Thứ tư, tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm cũng rất quan trọng đối với nông nghiệp và đời sống nông thôn. Chuyên môn hoá trong sản xuất nông nghiệp là cần thiết nhưng cũng phải giải quyết tình trạng phân hoá giàu nghèo trong các tầng lớp nông dân.

Thứ năm, vốn đầu tư tư nhân cũng có ý nghĩa thúc đẩy sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp, các hoạt động canh nông cá thể cũng góp phần làm cho nông nghiệp Bắc Trung Kỳ phát triển năng động hơn.

Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Bắc Trung Kỳ hiện nay:

- Tiến hành dồn đất đổi thửa để thay đổi phương thức kinh doanh phân tán.
- Sắp xếp lại các nông trường quốc doanh làm ăn thua lỗ, tiến hành cổ phần hoá để huy động các nguồn lực phát triển kinh tế.
- Cho phép tư nhân đứng ra khai khẩn vùng đất còn hoang hoá hoặc mua đất lập các trang trại, bỏ vốn đầu tư kinh doanh nông nghiệp.
- Chú trọng việc xây dựng các công trình thủy nông phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trước hết là cải tạo một số công trình thủy nông như đập Bái Thượng, đập Đô Lương, đập Nam Đàn, trạm bơm Linh Cảm, bara Bến Thủy...
- Đầu tư đúng mức cho việc nghiên cứu kỹ thuật nông nghiệp, xúc tiến thương mại, tìm đầu ra cho sản phẩm. Xây dựng thương hiệu cho nông sản, nhất là một số đặc sản của khu vực.